

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN GIÁM SÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 45/ĐGS-TCNS
V/v đơn đốc gửi báo cáo và bổ sung
nội dung, thông tin THPT,CLP
giai đoạn 2016-2021

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

VAN PHONG UBND T. LANG SON	
Số:.....	Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
Ngày:.....	
Chuyên.....	

Thực hiện Nghị quyết số 09/2021/QH15 ngày 25/7/2021 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2022, Nghị quyết số 18/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021” (sau đây viết tắt là Đoàn giám sát) và Kế hoạch giám sát chi tiết số 06/KH-ĐGS ngày 30/9/2021, Đoàn giám sát đã gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng vốn nhà nước, tài sản công khác (sau đây viết tắt là các bộ, ngành, địa phương) công văn số 07/ĐGS-TCNS ngày 01/10/2021 yêu cầu trước ngày 28/02/2022 báo cáo các nội dung theo Khung Đề cương giám sát chuyên đề và các phụ lục kèm theo từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2021 và thời kỳ trước, sau có liên quan của bộ, ngành, địa phương và việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát, thanh tra liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPT,CLP) được giao.

Đến ngày 03/3/2022, Đoàn giám sát mới nhận được báo cáo của 25 bộ, cơ quan trung ương, 20 báo cáo của HĐND và 25 báo cáo của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW, 10 tập đoàn, tổng công ty nhà nước (*Chi tiết danh sách các bộ, ngành, địa phương đã gửi báo cáo tại Phụ lục số 2 kèm theo*); chưa nhận được báo cáo của 55 bộ, cơ quan trung ương, 43 báo cáo của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc TW, 38 báo cáo của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW, 07 tập đoàn, tổng công ty nhà nước (*Chi tiết danh sách các bộ, ngành, địa phương Đoàn giám sát chưa nhận được báo cáo tại Phụ lục số 1 kèm theo*).

Rà soát sơ bộ báo cáo của các bộ, ngành, địa phương đã gửi Đoàn giám sát, cơ bản đều không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu đã nêu tại công văn số 07/ĐGS-TCNS của Đoàn Giám sát và Khung đề cương, phụ lục kèm theo. Nội dung các báo cáo còn chung chung, chủ yếu nêu kết quả đạt được đều thực hiện tốt chính sách, pháp luật về THTK,CLP; tồn tại, hạn chế nêu một số đánh giá chung, không báo cáo cụ thể các hành vi vi phạm, không định lượng cụ thể số liệu thất thoát, lãng phí trong khi báo cáo của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra chuyên ngành, Cơ quan Điều tra có nêu kết quả kiểm tra, thanh tra, điều tra đều có tình hình thất thoát, lãng phí tại các bộ, ngành, địa phương; một số bộ, ngành, địa phương chưa có các phụ lục kèm theo hoặc chưa đầy đủ phụ lục theo yêu cầu.

Để có căn cứ tổng hợp báo cáo Quốc hội, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương đã gửi báo cáo Đoàn giám sát và chưa gửi Báo cáo nghiên cứu kỹ các yêu cầu tại công văn số 07/ĐGS-TCNS nêu trên, Khung Đề cương báo cáo và các phụ lục đính kèm, bổ sung thông tin, số liệu hoàn thiện báo cáo Đoàn giám sát bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định, làm rõ các thông tin, số liệu về các tồn tại, hạn chế, lượng hóa số liệu thất thoát, lãng phí. Cụ thể:

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền:

Báo cáo đầy đủ việc xây dựng, ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của bộ, ngành, địa phương; việc triển khai thực hiện trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản liên quan theo quy định pháp luật về THTK,CLP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; làm rõ các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, những nội dung chưa triển khai theo quy định, không bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, không phù hợp yêu cầu thực tiễn; trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Việc quản lý, sử dụng NSNN:

Làm rõ các tồn tại, hạn chế, lượng hóa số liệu vi phạm, thất thoát, lãng phí: (1) Trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán NSNN hằng năm và 5 năm; việc tổ chức các đoàn công tác trong nước, ngoài nước; làm rõ thông tin, số liệu, chỉ tiêu tiết kiệm, lãng phí; (2) Việc triển khai đánh giá định kỳ về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí; (3) Các trường hợp phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, quyết toán gây thất thoát, lãng phí; (4) Làm rõ số lượng, danh mục dự án kém hiệu quả, dự án hoàn thành không phát huy hiệu quả, danh mục dự án hoàn thành không bàn giao, không đưa vào khai thác, sử

dụng; (5) Việc tuân thủ các quy định về việc tổ chức lễ động thổ, khởi công, khánh thành công trình xây dựng; (6) Tổng hợp số liệu cụ thể các dự án treo giai đoạn 2016-2021 và thời kỳ trước, sau có liên quan; (7) Việc rà soát, xử lý các dự án đầu tư kéo dài nhiều năm, không hiệu quả; (8) Việc phát hiện các sai phạm và xử lý trách nhiệm trong trường hợp có hành vi vi phạm.

3. Quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước hoặc do pháp luật quy định thuộc sở hữu, quản lý của Nhà nước:

Làm rõ việc tuân thủ các quy định về đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ, lượng hóa cụ thể số liệu thất thoát, lãng phí trong quản lý, mua sắm, sử dụng nhà, đất công vụ, trụ sở làm việc (hiệu suất sử dụng nhà công vụ; sắp xếp lại nhà, đất công vụ; việc thu hồi nhà, đất công vụ sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng); công trình phúc lợi công cộng, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc; tài sản kết cấu hạ tầng quốc gia trong lĩnh vực giao thông, cung cấp điện; tài sản từ nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Nhà nước và các tài sản khác do pháp luật quy định; việc xử lý tài sản các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc không đúng quy định của pháp luật, gây thất thoát, lãng phí.

4. Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

Làm rõ việc chấp hành và chưa chấp hành trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động theo quy định pháp luật THTK,CLP; các văn bản quản lý và các chỉ tiêu, định mức, mục tiêu đã ban hành.

5. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên:

Làm rõ việc: (1) Chấp hành và không chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng,... của bộ, ngành, địa phương; (2) Các vi phạm trong công tác quy hoạch sử dụng đất đai, tài nguyên; (3) Sắp xếp phương án sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước; (4) Việc quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường, đất dịch vụ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, làm rõ diện tích đất các nông lâm trường giữ lại; diện tích đã giao, chưa bàn giao cho địa phương; cụ thể diện tích đất địa phương nhận bàn giao đã có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; diện tích đất đã nhận nhưng chưa có kế hoạch sử dụng...; việc bố trí kinh phí cho việc đo, vẽ, lập bản đồ địa chính bố trí cho các địa phương đối với đất nông, lâm trường; (5) Việc xử lý, thu hồi các diện

tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và lấn chiếm đất trái quy định, trong đó làm rõ: tổng diện tích đất nông nghiệp hoang hóa không sử dụng hoặc chưa sử dụng; việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất; (6) số các dự án “treo” của bộ, ngành, địa phương (chỉ rõ địa chỉ cụ thể); (7) Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên tái chế và năng lượng tái tạo; (8) Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên viễn thông,...

6. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp do bộ, ngành, địa phương quản lý:

Làm rõ: (1) Các kết quả, chỉ tiêu THPT,CLP của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình tổng thể THPT,CLP giai đoạn 2016-2021; (2) Việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí, tiết giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, đầu tư và các khoản chi tiêu khác; (3) Đánh giá kỹ việc tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hóa, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh, làm rõ việc tiết giảm chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng; (4) Hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các dự án đầu tư, các quỹ; (5) Quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên và các tài sản khác được Nhà nước giao (nếu có) trong doanh nghiệp.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, xử lý vi phạm theo quy định Luật THPT,CLP:

Báo cáo cụ thể: (1) Các sai phạm liên quan đến việc ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật về THPT,CLP (ban hành chậm, không đầy đủ, không phù hợp về nội dung, thẩm quyền,...); (2) Các vi phạm được nêu tại các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán; (3) Số liệu sai phạm, vi phạm, thất thoát, lãng phí; (4) Trách nhiệm người đứng đầu và tổ chức có liên quan.

Để bảo đảm tiến độ và chất lượng báo cáo theo Kế hoạch giám sát chuyên đề, trân trọng đề nghị các bộ, ngành, địa phương khẩn trương bổ sung, thông tin số liệu và hoàn thiện báo cáo đầy đủ các nội dung nêu tại công văn số 07/ĐGS-TCNS, làm rõ các thông tin số liệu vi phạm, thất thoát, lãng phí nêu trên gửi Đoàn Giám sát (qua Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội, Nhà Quốc hội, Ba Đình, Hà Nội) bằng văn bản và thư điện tử: vutcns@quochoi.vn (trừ các tài liệu quản lý theo chế độ Mật). *Đoàn giám sát sẽ thường xuyên*

thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, Truyền hình Quốc hội, trang thông tin điện tử Quốc hội danh sách các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp chậm trễ báo cáo và báo cáo không đầy đủ nội dung, thông tin, số liệu theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

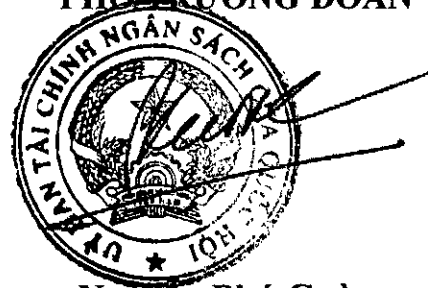
Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phụ trách hoàn thiện báo cáo gửi Đoàn giám sát đầy đủ nội dung, thông tin, số liệu theo quy định, bảo đảm chất lượng và chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong trường hợp báo cáo không đầy đủ, không đúng thời gian quy định.

Trân trọng đề nghị các bộ, ngành, địa phương triển khai theo đúng quy định và yêu cầu của Đoàn giám sát./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Đ/c Thủ tướng Chính phủ (để chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo và bổ sung thông tin, số liệu theo đúng yêu cầu của ĐGS);
- Các đ/c Phó Chủ tịch QH (để b/cáo);
- Các đ/c Phó Thủ tướng CP (để chỉ đạo);
- HĐDT, các UB của QH, Ban của UBTVQH (để p/hợp);
- Đoàn ĐBQH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thành viên ĐGS;
- Tổ giúp việc ĐGS;
- Các Vụ: TCNS, GS;
- Lưu: HC, GS.
- E-pas: 14682

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**Nguyễn Phú Cường
CHỦ NHIỆM ỦY BAN TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH**

Phụ lục số 1

**DANH SÁCH BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐOÀN GIÁM SÁT CHƯA
NHẬN ĐƯỢC BÁO CÁO ĐẾN NGÀY 03/3/2022**

(Phụ lục kèm theo công văn số 45/ĐGS-TCNS ngày 03 tháng 3 năm 2022)

I. BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Bộ Công An
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3. Bộ Công thương
4. Bộ Giao thông vận tải
5. Bộ Xây dựng
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo
7. Bộ Y tế
8. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
9. Bộ Nội vụ
10. Bộ Thông tin truyền thông
11. Bộ Ngoại giao
12. Bộ Văn hóa thể thao du lịch
13. Ủy ban dân tộc
14. Ban quản lý Lăng Chủ tịch HCM
15. Đài truyền hình Việt Nam
16. Đài tiếng nói Việt Nam
17. Viện hàn lâm KH và xã hội VN
18. Đại học Quốc gia thành phố HCM
19. Đại học Quốc gia Hà Nội
20. Trung ương hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
21. Hội Nông dân
22. Hội cựu chiến binh Việt Nam
23. Tổng liên đoàn lao động VN

24. Ngân hàng chính sách xã hội
25. Bảo hiểm xã hội VN
26. Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc
27. BQL làng văn hóa - Du lịch các dân tộc VN
28. Liên minh hợp tác xã Việt Nam
29. Tổng hội Y học Việt Nam
30. Hội Đông Y Việt Nam
31. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
32. Hội Người mù Việt Nam
33. Hội Khuyến học Việt Nam
34. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam
35. Hội Nhà văn Việt Nam
36. Hội Nghệ sỹ sân khấu Việt Nam
37. Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi VN
38. Hội Người cao tuổi Việt Nam
39. Hội Mỹ thuật Việt Nam
40. Hội Nhạc sỹ Việt Nam
41. Hội Điện ảnh Việt Nam
42. Hội Nghệ sỹ nhiếp ảnh Việt Nam
43. Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật VN
44. Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
45. Hội Nhà báo Việt Nam
46. Hội Luật gia Việt Nam
47. Hội Nghệ sỹ múa Việt Nam
48. Hội Kiến trúc sư Việt Nam
49. Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam
50. Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
51. Hội Xuất bản Việt Nam
52. Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam

53. Liên đoàn Luật sư Việt Nam

54. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam

55. Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam

II. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

- | | |
|----------------------|---------------------------|
| 1. An Giang | 23. Lai Châu |
| 2. Bà Rịa - Vũng Tàu | 24. Lâm Đồng |
| 3. Bắc Kạn | 25. Lạng Sơn |
| 4. Bạc Liêu | 26. Lào Cai |
| 5. Bến Tre | 27. Long An |
| 6. Bình Định | 28. Nghệ An |
| 7. Bình Phước | 29. Ninh Bình |
| 8. Bình Thuận | 30. Ninh Thuận |
| 9. Cà Mau | 31. Quảng Bình |
| 10. Cần Thơ | 32. Quảng Nam |
| 11. Cao Bằng | 33. Quảng Ngãi |
| 12. Đà Nẵng | 34. Quảng Trị |
| 13. Đồng Tháp | 35. Sóc Trăng |
| 14. Hà Nam | 36. Sơn La |
| 15. Hà Nội | 37. Thừa Thiên Huế |
| 16. Hà Tĩnh | 38. Tiền Giang |
| 17. Hải Dương | 39. Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18. Hải Phòng | 40. Tuyên Quang |
| 19. Hậu Giang | 41. Vĩnh Long |
| 20. Hòa Bình | 42. Vĩnh Phúc |
| 21. Kiên Giang | 43. Yên Bái |
| 22. Kon Tum | |

III. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. An Giang

2. Bà Rịa - Vũng Tàu

- | | |
|----------------|---------------------------|
| 3. Bắc Ninh | 21. Kon Tum |
| 4. Bình Dương | 22. Lai Châu |
| 5. Bình Phước | 23. Nghệ An |
| 6. Bình Thuận | 24. Phú Thọ |
| 7. Cần Thơ | 25. Phú Yên |
| 8. Cao Bằng | 26. Quảng Bình |
| 9. Đắk Lắk | 27. Quảng Nam |
| 10. Đắk Nông | 28. Quảng Ngãi |
| 11. Đồng Nai | 29. Quảng Ninh |
| 12. Đồng Tháp | 30. Tây Ninh |
| 13. Hà Giang | 31. Thái Bình |
| 14. Hà Nội | 32. Thái Nguyên |
| 15. Hà Tĩnh | 33. Thừa Thiên Huế |
| 16. Hải Dương | 34. Tiền Giang |
| 17. Hải Phòng | 35. Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18. Hòa Bình | 36. Vĩnh Long |
| 19. Hưng Yên | 37. Vĩnh Phúc |
| 20. Kiên Giang | 38. Yên Bái |

IV. CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
3. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
4. Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam
5. Tổng công ty Sông Đà
6. Tổng công ty Giấy Việt Nam
7. Tổng công ty Cà phê Việt Nam

Phụ lục số 2

**DANH SÁCH BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐOÀN GIÁM SÁT ĐÃ
NHẬN ĐƯỢC BÁO CÁO ĐẾN NGÀY 03/3/2022**

(Phụ lục kèm theo công văn số 45/ĐGS-TCNS ngày 03 tháng 3 năm 2022)

I. BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Bộ Quốc phòng (Báo cáo số 270/BC-BQP ngày 27/01/2022).
2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Công văn số 152/NHPT-TCKT ngày 27/01/2022).
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Báo cáo kèm công văn số 583/NHNN-TCKT ngày 28/01/2022).
4. Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam (Công văn số 460/BC-MTTW-BTT ngày 28/01/2022, *chưa hoàn thiện phụ lục*).
5. Bộ Khoa học và Công nghệ (Báo cáo kèm công văn số 314/BKHCN-KHTC ngày 21/02/2022, *chưa có các phụ lục đính kèm*).
6. Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (Báo cáo số 534-BC/TWĐTN-BKT ngày 21/02/2022).
7. Tòa án nhân dân tối cao (Báo cáo số 14/BC-TANDTC ngày 24/2/2022).
8. Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin Việt Nam (Công văn số 33/TWH-TCCS ngày 24/02/2022).
9. Văn phòng Quốc hội (Báo cáo số 389a/VPQH-KHTC ngày 25/02/2022).
10. Bộ Tư pháp (Báo cáo số 40/BC-BTP ngày 25/02/2022).
11. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Báo cáo số 761-BC/HVCTQG ngày 25/02/2022).
12. Kiểm toán Nhà nước (Báo cáo số 181/BC-KTNN ngày 25/02/2022 và Báo cáo số 191/BC-KTNN ngày 28/02/2022).
13. Ủy ban quản lý vốn NN tại DN (Báo cáo số 203/UBQLV-VP ngày 25/02/2022).
14. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Báo cáo số 558/VKSTC-C3 ngày 25/02/2022).

15. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (Báo cáo số 104/LHHVN-VP ngày 25/2/2022).
16. Thông tấn xã Việt Nam (Báo cáo số 143/BC-TTX ngày 25/02/2022)
17. Văn phòng Chính phủ (Báo cáo số 1232/VPCP-KHTC ngày 26/02/2022).
18. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo số 963/BTNMT-KHTC ngày 28/02/2022, *chưa hoàn thiện phụ lục*).
19. Viện hàn lâm KH và CN VN (Báo cáo số 349/VHL-KHTC ngày 28/02/2022).
20. Thanh tra Chính phủ (Báo cáo số 266/BC-TTTP ngày 28/02/2022).
21. Bộ Tài chính (Công văn số 1932/BTC-TTr ngày 28/02/2022).
22. Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam (Báo cáo số 244/LHNN-TCCB ngày 28/02/2022).
23. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo số 1223/BC-BKHĐT ngày 01/3/2022 và Báo cáo số 1224/BC-BKHĐT ngày 01/3/2022, *chưa có phụ lục tình hình thực hiện*).
24. Ủy ban sông Mê Kông (Báo cáo số 25/UBMC ngày 02/3/2022).
25. Văn phòng Chủ tịch nước (Báo cáo số 384/VPCTN ngày 03/3/2022).

II. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Tỉnh Bắc Giang (Báo cáo số 10/BC-HĐND ngày 27/01/2022).
2. Tỉnh Đồng Nai (Báo cáo số 83/BC-HĐND ngày 24/02/2022).
3. Tỉnh Đắk Lắk (Báo cáo số 06/BC-HĐND ngày 24/02/2022).
4. Tỉnh Thái Bình (Báo cáo số 06/BC-HĐND ngày 25/02/2022).
5. Tỉnh Quảng Ninh (Báo cáo số 71/BC-HĐND ngày 25/02/2022).
6. Tỉnh Gia Lai (Báo cáo số 37/BC-HĐND ngày 25/02/2022).
7. Tỉnh Bắc Ninh (Báo cáo số 07/BC-HĐND ngày 25/02/2022).
8. Tỉnh Phú Thọ (Báo cáo số 08/BC-HĐND 25/02/2022).
9. Tỉnh Nam Định (Báo cáo số 11/BC-HĐND ngày 25/02/2022).
10. Tỉnh Bình Dương (Báo cáo số 12/BC-HĐND ngày 25/02/2022).

11. Tỉnh Phú Yên (Báo cáo số 06/BC-HĐND ngày 25/02/2022).
12. Tỉnh Hưng Yên (Báo cáo số 79/BC-HĐND ngày 26/02/2022).
13. Tỉnh Thanh Hóa (Báo cáo số 84/HĐND-VP ngày 28/02/2022).
14. Tỉnh Hà Giang (Báo cáo số 05/BC-HĐND ngày 28/02/2022).
15. Tỉnh Điện Biên (Báo cáo số 31/BC-TTHĐND ngày 28/02/2022).
16. Tỉnh Tây Ninh (Báo cáo số 134/HĐND ngày 28/02/2022).
17. Tỉnh Khánh Hòa (Báo cáo số 30/KH-ĐGS ngày 28/02/2022).
18. Tỉnh Thái Nguyên (Báo cáo số 10/BC-HĐND ngày 27/02/2022).
19. Tỉnh Trà Vinh (Báo cáo số 39/BC-HĐND ngày 28/02/2022).
20. Tỉnh Đắk Nông (Báo cáo số 12/BC-HĐND ngày 28/02/2022).

III. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Tỉnh Bắc Giang (Báo cáo số 07/BC-UBND ngày 20/01/2022).
2. Tỉnh Bắc Cạn (Báo cáo số 56/BC-UBND ngày 25/01/2022).
3. Thành phố Đà Nẵng (Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 25/01/2022, chưa hoàn thiện phụ lục).
4. Tỉnh Nam Định (Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 25/01/2022).
5. Tỉnh Long An (Báo cáo số 276/BC-UBND ngày 25/01/2022).
6. Tỉnh Quảng Trị (Báo cáo số 356/BC-UBND ngày 26/01/2022).
7. Tỉnh Trà Vinh (Báo cáo số 49/BC-UBND ngày 27/01/2022).
8. Tỉnh Lào Cai (Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 28/01/2022).
9. Tỉnh Lâm Đồng (Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 28/01/2022).
10. Tỉnh Tuyên Quang (Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 29/01/2022).
11. Tỉnh Ninh Bình (Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 08/02/2022).
12. Tỉnh Ninh Thuận (Báo cáo số 39/BC-UBND ngày 09/02/2022, chưa hoàn thiện phụ lục).
13. Tỉnh Sơn La (Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 11/02/2022).
14. Tỉnh Khánh Hòa (Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 11/02/2022).
15. Tỉnh Cà Mau (Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 16/02/2022).
16. Tỉnh Sóc Trăng (Báo cáo số 48/BC-UBND ngày 17/02/2022).

17. Tỉnh Bến Tre (Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 17/02/2022).
18. Tỉnh Hậu Giang (Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 22/02/2022).
19. Tỉnh Điện Biên (Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 25/02/2022).
20. Tỉnh Bình Định (Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 25/02/2022).
21. Tỉnh Lạng Sơn (Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 27/02/2022).
22. Tỉnh Gia Lai (Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 28/02/2022).
23. Tỉnh Bạc Liêu (Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 28/02/2022).
24. Tỉnh Thanh Hóa (Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 01/3/2022).
25. Tỉnh Hà Nam (Báo cáo số 39/BC-UBND ngày 01/3/2022).

IV. CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (công văn số 31/HCVN-TCKT ngày 14/01/2022).
2. Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam (Báo cáo số 97/BC-CSVN ngày 18/01/2022).
3. Tổng công ty đường sắt Việt Nam (Báo cáo số 189/BC-ĐS ngày 21/01/2022).
4. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (công văn số 95/ĐTKDV-KHTH ngày 21/01/2022).
5. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Báo cáo số 6904/BC-DKVN ngày 29/11/2021 và công văn số 524/DKVN-TCKT ngày 28/01/2022 báo cáo bổ sung).
6. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Báo cáo số 06/HCVN-TCKT ngày 28/01/2022).
7. Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (Báo cáo số 66/BC-TCTLTMB-TCKT ngày 28/01/2022).
8. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Báo cáo số 144/BC-VICEM ngày 09/02/2022).
9. Tổng công ty xi măng Việt Nam (Báo cáo số 317/BC-VICEM ngày 24/02/2022).
10. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (Công văn số 86/TLVN-TCKT ngày 25/2/2022).